

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L37CCĐ1 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131L017300101 - K t c u ấ ng tr ấ h H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TST ấ %	ấ I M TH I	QUY TS : 100%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3710104033	L37CCĐ1	Nguy n Th ấ n	An	07/09/1991								8.0	8.0	8.0	
2	3710104035	L37CCĐ1	V ấ V ấ	Ấ n	20/03/1991								8.0	8.0	8.0	
3	3710104005	L37CCĐ1	Nguy n Th ấ i	Bình	16/03/1992								3.0	3.0	3.0	
4	3710104102	L37CCĐ1	B ấ i ấ nh	C ng	04/09/1991								5.0	5.0	5.0	
5	3710104160	L37CCĐ1	Nguy n Cao	C ng	10/05/1990								0.0	0.0	0.0	
6	3710104042	L37CCĐ1	Phan Tĩ n	Châu	14/08/1990								8.0	8.0	8.0	
7	3710104071	L37CCĐ1	Nguy n Anh	Ch n	22/04/1988								8.0	8.0	8.0	
8	3710104065	L37CCĐ1	H S	Chi n	27/12/1985								6.0	6.0	6.0	
9	3710104150	L37CCĐ1	Nguy n	Danh	16/06/1990								2.0	2.0	2.0	
10	3710104116	L37CCĐ1	Tr ng V ấ	Danh	20/10/1988								5.0	5.0	5.0	
11	3710104001	L37CCĐ1	Tr n Huy	Du	09/09/1991								6.0	6.0	6.0	
12	3710104019	L37CCĐ1	Nguy n Minh	D ấ g	07/08/1992								9.0	9.0	9.0	
13	3710104056	L37CCĐ1	Nguy n Qu c	ấ t	06/06/1992								8.0	8.0	8.0	
14	3710104133	L37CCĐ1	Lê Xuân	Giáp	04/07/1985								5.0	5.0	5.0	
15	3710104179	L37CCĐ1	Nguy n V ấ	Hào	20/08/1992								3.0	3.0	3.0	
16	3710104145	L37CCĐ1	Hu nh C ấ ng	H u	17/04/1989								3.0	3.0	3.0	
17	3710104149	L37CCĐ1	Nguy n Ph c	H u	18/08/1987								6.0	6.0	6.0	
18	3710104172	L37CCĐ1	L ấ V ấ	Hên	00/00/1991								0.0	0.0	0.0	
19	3710104111	L37CCĐ1	Nguy n Ng c	Hi u	25/07/1992								7.0	7.0	7.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L37CCĐ1 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131L017300101 - K t c u c ấ ng tr ấ H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY T S ấ %	ấ I M TH ấ	QUY T S : 100%	ấ I M TK	GHI CH ấ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3710104068	L37CCĐ1	Phan T n	H i p	14/01/1991									6.0	6.0	6.0	
21	3710104151	L37CCĐ1	Lê Xuân	Hòa	09/06/1990									0.0	0.0	0.0	
22	3710104041	L37CCĐ1	Ng ấ ấ c	Huân	28/03/1990									7.0	7.0	7.0	
23	3710104024	L37CCĐ1	Nguy n Th ấ	Huân	16/08/1991									3.0	3.0	3.0	
24	3710104039	L37CCĐ1	B ấ i Kh c	Hùng	16/07/1991									3.0	3.0	3.0	
25	3710104050	L37CCĐ1	Tr n V ấ	Kiên	05/10/1992									6.0	6.0	6.0	
26	3710104020	L37CCĐ1	ấ ng Anh	Khoa	17/05/1990									8.0	8.0	8.0	
27	3710104003	L37CCĐ1	Tr n Minh	Kh ng	22/09/1992									7.0	7.0	7.0	
28	3710104002	L37CCĐ1	Mai T n	Lâm	22/06/1991									8.0	8.0	8.0	
29	3710104018	L37CCĐ1	Nguy n H ng	Long	20/06/1992									6.0	6.0	6.0	
30	3710104170	L37CCĐ1	Nguy n Th ấ	Long	29/02/1988									4.0	4.0	4.0	
31	3710104108	L37CCĐ1	Nguy n H u	L c	04/10/1992									5.0	5.0	5.0	
32	3710104016	L37CCĐ1	Hu nh Thanh	Luân	23/09/1990									0.0	0.0	0.0	
33	3710104119	L37CCĐ1	T ấ Km	Mô	12/12/1992									8.0	8.0	8.0	
34	3710104073	L37CCĐ1	L ấ H u	Nam	12/06/1990									5.0	5.0	5.0	
35	3710104058	L37CCĐ1	T ng H u	Ngh ấ	30/10/1990									9.0	9.0	9.0	
36	3710104143	L37CCĐ1	Nguy n T ấ	Nhi m	12/04/1988									3.0	3.0	3.0	
37	3710104086	L37CCĐ1	Tr n C ấ ng	Phong	17/12/1990									6.0	6.0	6.0	
38	3710104092	L37CCĐ1	L ấ V ấ	Ph ng	14/04/1989									5.0	5.0	5.0	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L37CCĐ1 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131L017300101 - K t c u c ầ ng tr ầ h H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TSTĐ %	ấ I M TH I	QUY TS : 100%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3710104122	L37CCĐ1	Hu ầ h C ầ ng Ph c	30/11/1990									6.0	6.0	6.0	
40	3710104121	L37CCĐ1	Ng ầ ấ nh Qu ầ n	26/10/1992									3.0	3.0	3.0	
41	3710104036	L37CCĐ1	Nguy n Th Nh Qu ầ h	10/09/1991									8.0	8.0	8.0	
42	3710104010	L37CCĐ1	L ² V ấ	10/01/1992									6.0	6.0	6.0	
43	3710104142	L37CCĐ1	D ầ ng Ng c S n	30/01/1991									5.0	5.0	5.0	
44	3710104043	L37CCĐ1	Lê Duy Tài	04/08/1991									6.0	6.0	6.0	
45	3710104158	L37CCĐ1	Nguy n Thanh Tài	02/01/1992									8.0	8.0	8.0	
46	3710104107	L37CCĐ1	Nguy n Th ầ h Tân	09/01/1991									6.0	6.0	6.0	
47	3710104178	L37CCĐ1	Nguy n T ¾ Tỉ n	17/07/1988									3.0	3.0	3.0	
48	3710104134	L37CCĐ1	Nguy n ấ c Minh Tu n	07/06/1992									6.0	6.0	6.0	
49	3710104072	L37CCĐ1	Tr n B ầ h Tuy	07/07/1976									5.0	5.0	5.0	
50	3710104040	L37CCĐ1	Nguy n Vi t Tầ ng	10/05/1991									9.0	9.0	9.0	
51	3710104088	L37CCĐ1	ấ H ng Tú	02/10/1986									6.0	6.0	6.0	
52	3710104085	L37CCĐ1	H Xu ^a n T ầ ng	19/07/1989									7.0	7.0	7.0	
53	3710104113	L37CCĐ1	Lê Quang Thao	10/01/1990									8.0	8.0	8.0	
54	3710104173	L37CCĐ1	B Xu ^a n Thành	16/11/1989									0.0	0.0	0.0	
55	3710104091	L37CCĐ1	Nguy n V ấ Thành	27/01/1989									7.0	7.0	7.0	
56	3710104127	L37CCĐ1	Tr n Quang Thái	24/06/1990									2.0	2.0	2.0	
57	3710104017	L37CCĐ1	Tr n Minh Th ầ ng	20/10/1991									0.0	0.0	0.0	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L37CCĐ1 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131L017300101 - K t c u c ầ ng tr ầ h H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TSTĐ %	ấ I M TH I	QUY TS : 100%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3710104004	L37CCĐ1	D ầ ấ Th ầ h Th nh	10/02/1991									5.0	5.0	5.0	
59	3710104128	L37CCĐ1	Nguy n Thanh Thu n	02/09/1991									6.0	6.0	6.0	
60	3710104049	L37CCĐ1	Nguy n V ấ Th y	07/03/1991									7.0	7.0	7.0	
61	3710104006	L37CCĐ1	D ầ Minh Trí	15/02/1992									4.0	4.0	4.0	
62	3710104051	L37CCĐ1	Nguy n Qu c Tr ầ ng	10/10/1990									8.0	8.0	8.0	
63	3710104075	L37CCĐ1	Tr n V ấ Va	10/09/1991									8.0	8.0	8.0	
64	3710104064	L37CCĐ1	Tr n Ph c Vinh	18/03/1988									6.0	6.0	6.0	
65	3710104093	L37CCĐ1	Nguy n Quang V ầ	12/09/1987									0.0	0.0	0.0	

T ầ g s : 65 h c sinh sinh vĩ ầ n
Tr ầ ng Khoa Gi ầ o Vĩ ầ n B M ầ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ầ o V Khoa